


Original

<p>1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) ZHEJIANG HENGTAI INTELLIGENT DEVICE CO., LTD. NO. 373, OUFAN ROAD, DONGTOU DISTRICT, WENZHOU CITY, ZHEJIANG, CHINA TEL: 86-577-86293707 FAX: 86-577-86293311</p>		<p>Reference No. E24MA2H9L1K20003</p> <p style="text-align: center;">ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)</p> <p style="text-align: center;">FORM E</p> <p>Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country)</p> <p style="text-align: center;">See Overleaf Notes</p>			
<p>2. Products consigned to (Consignee's name, address, country). NGOC THOM TRADING AND SERVICE COMPANY ADD: 12/14/18 STR49, QUARTER7, HIEP BINH CHANH WARD, THU DUC CITY, HCMC. VIETNAM.</p>		<p>4. For Official Use</p> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given</p> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</p> <p style="text-align: center;">Verification: origin.customs.gov.cn</p> <p style="text-align: center;">----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party</p>			
<p>3. Means of transport and route (as far as known)</p> <p>Departure date JAN. 22, 2024</p> <p>Vessel's name / Aircraft etc. QIHERUIAN 24011N</p> <p>Port of Discharge HO CHI MINH CITY, VIETNAM</p> <p>FROM SHANGHAI, CHINA TO HO CHI MINH CITY, VIETNAM BY SEA</p>		<p>5. Item Number</p> <p>6. Marks and numbers on packages</p> <p>7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</p> <p>8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</p> <p>9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</p> <p>10. Number, date of Invoices</p>			
1	N/M	ONE (1) PLYWOOD CASE OF 2 SETS OF HT-HF450L AUTOMATIC CROSS HEMMING MACHINE MODE: HT-HF450L HS CODE: 8452.21 *** **	"PE"	1SET 860KGS N. W. 3600KGS G. W.	HT-20231129- 2 NOV. 29, 2023
<p>11. Declaration by the exporter</p> <p>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct, that all the products were produced in <u>CHINA</u> 浙江亨泰智能设备有限公司 (Country) ZHEJIANG HENGTAI INTELLIGENT DEVICE CO., LTD.</p> <p>and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to <u>VIET NAM</u> 苏嘉雯 (Importing Country)</p> <p style="text-align: center;">Hangzhou, China, JAN. 26, 2024</p> <p>Place and date, signature of authorised signatory 2429000118495</p>			<p>12. Certification</p> <p>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: right;">Hangzhou, China, JAN. 26, 2024</p> <p>Place and date, signature and stamp of certifying authority</p>		
<p>13.</p> <p><input checked="" type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition</p> <p><input type="checkbox"/> Movement Certificate <input type="checkbox"/> Third Party Invoicing</p>					

2311133982

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0606826850

Số tờ khai 10606826850 Số tờ khai đầu tiên / Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 8452
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng / Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình AII 2 [4]
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 Ngày đăng ký 02/02/2024 13:12:30 Ngày thay đổi đăng ký / /

Người nhập khẩu
 Mã 0309991503
 Tên Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thơm
 Mã bưu chính (+84) 43
 Địa chỉ 12/14/18 ĐƯỜNG 49, KP7, P. HIỆP BÌNH CHÁNH, Q.THỦ ĐỨC, TP.HCM
 Số điện thoại 02862906631
 Người ủy thác nhập khẩu
 Mã
 Tên

Người xuất khẩu
 Mã
 Tên ZHEJIANG HENGTAI INTELLIGENT DEVICE CO., LTD
 Mã bưu chính
 Địa chỉ NO. 373, OUFAN ROAD, DONGTOU DISTRICT, WENZHOU CITY, ZHEJIANG, CHINA
 Mã nước CN

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	Mã nhân viên Hải quan
1 190124COAU7247580590	02CIS01	TONG CTY TAN CANG SG
2	VNCLI	CANG CAT LAI (HCM)
3	CNWNZ	WENZHOU
4	Phương tiện vận chuyển	9999 AS PAMELA V.061W
5	Ngày hàng đến 03/02/2024	
Số lượng 2 SET	Ký hiệu và số hiệu	
Tổng trọng lượng hàng (Gross) 3.600 KGM		
Số lượng container 1		
	Ngày được phép nhập kho đầu tiên	
	Mã văn bản pháp quy khác	MO

Số hóa đơn A - HT-20231129-2
 Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
 Ngày phát hành 29/11/2023
 Phương thức thanh toán KC
 Tổng trị giá hóa đơn A - CIF - USD -
 Tổng trị giá tính thuế
 Tổng hệ số phân bổ trị giá -
 Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu
 1 - 2 - 3 -
 4 - 5 -

Mã phân loại khai trị giá	6		
Khai trị giá tổng hợp	-	-	-
Các khoản điều chỉnh			
Phí vận chuyển	-	-	-
Phí bảo hiểm	-	-	-
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1 -	-	-	-
2 -	-	-	-
3 -	-	-	-
4 -	-	-	-
5 -	-	-	-

Chi tiết khai trị giá
 19012024#& THANH TOÁN TT

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng			
1 N Thuế NK	VND	1	Tổng tiền thuế phải nộp	204.606.136	VND
2 V Thuế GTGT	VND	2	Số tiền bảo lãnh		VND
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD -	24.430



4
5
6

VND
VND
VND

Mã xác định thời hạn nộp thuế
Mã lý do đề nghị BP

-
D

Người nộp thuế
Phân loại nộp thuế

1
A

Tổng số trang của tờ khai 4

Tổng số dòng hàng của tờ khai 2

197
G T
TH
B M
301
ĐỨC

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **106068268500** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **8452**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CSGONKVI** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **02/02/2024 13:12:30** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 Số đính kèm khai báo điện tử **1** ETC - 722073194530 **2** - **3** -
 Phần ghi chú **HT-20231129-1#&29112023#& Phụ lục HĐ. 01**

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng **00002**

Phân loại chi thị của Hải quan		Tên	Nội dung
1	Ngày / /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan
 Ngày khai báo nộp thuế / /
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~ / /
	2	/ /	~ / /
	3	/ /	~ / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế			

50
 Y
 W
 IV
 JT
 TP.

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **106068268500** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **8452**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CSGONKVI** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **02/02/2024 13:12:30** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<01>
 Mã số hàng hóa **84522100** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Máy cắt may ngang tự động khổ hẹp Model. HT-HF450L, (HT-HF450L AUTOMATIC CROSS TOWEL HEMMING MACHINE),, Hàng mới 100%**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	2	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2	PCE
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	SET
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - SET
Thuế suất A 0%		Mã áp dụng thuế tuyệt đc	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB215
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **106068268500** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **8452**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CSGONKVI** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **02/02/2024 13:12:30** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<02>
 Mã số hàng hóa **40101200** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Bộ dây truyền(Curoa) cho máy cắt may tự động, hàng mới 100%**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	7	PCE
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	7	PCE
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	PCE
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - PCE
Thuế suất A	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đc	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ CN - CHINA - B01	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB215
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	8%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

